

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

13/03/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	342549	Nguyễn Bá Dũng	3425	8	11	13	14	65	220	305	525	9.0
2	340757	Bùi Thị Thanh	3407									
3	351247	Vũ Đức Hữu	3512	7	17	12	17	49	270	210	480	8.5
4	350566	Bùi Thị Sen	3517	9	15	10	15	50	245	215	460	8.0
5	362335	Vũ Thị Hiền	3623	10	10	13	10	78	200	385	585	10.0
6	362139	Trần Khánh Dũng	3621	3	8	28	30	41	370	160	530	9.0
7	350158	Nguyễn Hoàng Anh	3601	7	18	16	17	52	300	225	525	9.0
8	360544	Vũ Thị Ngân	3605	8	15	16	13	51	260	220	480	8.5
9	360467	Lương Quy Trung	3604	4	14	11	10	50	180	215	395	
10	360156	Nguyễn Thị Khánh Huyền	3601	5	12	15	9	39	190	145	335	
11	361614	Trần Thị Ngọc Hoa	3616	8	15	12	7	37	195	130	325	
12	362122	Dương Thị Thuỷ	3621	6	15	8	8	28	170	80	250	
13	360807	Nguyễn Đức Anh	3608	2	9	6	10	24	115	50	165	
14	360745	Lê Trọng Đạo	3607									
15	362123	Hà Thị Ngọc Hoa	3621									
16	372408	Nguyễn Thị Thu Hường	3724	8	26	25	22	85	445	420	865	10.0
17	372436	Trần Thị Việt Nga	3724	10	28	26	21	79	470	390	860	10.0
18	372336	Nguyễn Thị Hương Giang	3723	8	27	21	18	81	400	400	800	10.0
19	372073	Nguyễn Diệu Linh	3720	8	24	26	15	69	395	330	725	10.0
20	372536	Phan Linh Trang	3725	9	22	25	22	61	425	280	705	10.0
21	370833	Từ Thị Phương Thảo	3708	6	13	14	12	91	215	455	670	10.0
22	370959	Tạ Thị Thuỷ Dương	3709	10	22	14	21	65	360	305	665	10.0
23	371941	Vũ Ngọc Hà	3719	7	17	15	15	74	275	360	635	10.0
24	372745	Trần Thị Thu Hà	3727	8	16	16	13	74	270	360	630	10.0
25	370876	Vũ Hà Vân	3708	7	21	17	11	67	290	320	610	10.0
26	372753	Lê Thuỷ Tiên	3727	6	20	17	13	67	290	320	610	10.0
27	372007	Nguyễn Thị Khánh Ly	3720	9	26	12	7	67	275	320	595	10.0
28	372040	Hà Thị Quỳnh Anh	3720	5	18	10	16	72	245	350	595	10.0
29	370146	Hoàng Tuấn Anh	3701	8	17	20	17	59	325	265	590	10.0
30	371046	Nguyễn Mai Phương	3710	4	15	30	13	59	325	265	590	10.0
31	372721	Nguyễn Quỳnh Phương	3727	5	22	17	16	59	315	265	580	10.0
32	370316	Bùi Thị Hồng	3703	6	22	14	17	58	310	260	570	9.5
33	372029	Đặng Thị Phương Anh	3720	6	23	16	16	56	320	250	570	9.5
34	372208	Phùng Thị Thu Hằng	3722	4	15	22	19	56	315	250	565	9.5
35	370638	Ngô Thị Vân Anh	3706	6	13	25	10	62	275	285	560	9.5
36	370814	Đỗ Việt Hà	3708	8	17	15	17	58	295	260	555	9.5
37	371233	Nguyễn Ngọc Sơn	3712	7	20	12	13	63	260	290	550	9.5
38	371652	Phan Thị Phương Nhung	3716	10	17	14	18	55	310	240	550	9.5
39	372404	Phạm Thị Dung	3724	9	23	11	12	60	280	270	550	9.5
40	371640	Hoàng Ngọc Lưu Ly	3716	4	15	13	25	56	295	250	545	9.5
41	372719	Mai Thùy Linh	3727	9	25	20	14	45	365	180	545	9.5
42	370271	Bùi Quang Huy	3702	8	18	18	20	47	340	195	535	9.5
43	371748	Lương Thanh Tú	3717	7	23	24	23	34	420	115	535	9.5
44	372710	Mai Thị Vân Anh	3727	6	17	11	17	61	255	280	535	9.5
45	372425	Phạm Thị Ngoan	3724	7	16	15	19	53	295	230	525	9.0
46	372801	Nguyễn Thị Tố Uyên	3728	10	19	17	11	53	295	230	525	9.0
47	371526	Hoàng Thu Thảo	3715	7	19	14	12	58	260	260	520	9.0
48	372451	Phan Thị Thu Hường	3724	10	23	13	18	45	340	180	520	9.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

13/03/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	371110	Nguyễn Thị Bích Vân	3711	6	18	12	11	62	230	285	515	9.0
50	372544	Nguyễn Thị Quỳnh	3725	6	15	23	16	47	315	195	510	9.0
51	372839	Lê Vương Hồng Lam	3728	4	15	13	19	56	255	250	505	9.0
52	372843	Phan Thị Ninh	3728	9	19	19	13	46	315	190	505	9.0
53	370428	Phạm Phương Linh	3704	8	28	14	14	41	340	160	500	8.5
54	370570	Nguyễn Huyền Trang	3705	9	21	13	16	46	310	190	500	8.5
55	372837	Trần Thị Thuỳ Linh	3728	8	17	20	13	47	300	195	495	8.5
56	371239	Vũ Thanh Loan	3712	8	18	13	15	50	275	215	490	8.5
57	372343	Nguyễn Thị Loan	3723	9	19	19	12	45	310	180	490	8.5
58	372842	Bùi Thị Trang	3728	9	13	16	16	50	275	215	490	8.5
59	371937	Phạm Thị Thu Huế	3719	7	17	18	8	54	250	235	485	8.5
60	370574	Nguyễn Diệu Linh	3705	6	19	17	13	48	280	200	480	8.5
61	372355	Lê Thị Hoà	3723	5	17	15	18	48	280	200	480	8.5
62	370567	Lê Thị Trang	3705	9	17	10	9	58	215	260	475	8.5
63	370831	Nguyễn Thị Hải Yến	3708	7	17	15	18	45	295	180	475	8.5
64	370654	Trần Thị Thanh Hải	3706	8	20	17	16	39	320	145	465	8.0
65	371752	Nguyễn Tiến Dũng	3717	1	16	15	19	49	255	210	465	8.0
66	371938	Phạm Thị Thảo	3719	10	16	15	9	50	250	215	465	8.0
67	370429	Hoàng Thị Hồng Nhung	3704	4	17	12	17	49	250	210	460	8.0
68	370503	Nguyễn Văn Hoàng	3705	6	18	13	15	47	260	195	455	8.0
69	372627	Cao Thuỳ Linh	3726	6	18	9	21	45	275	180	455	8.0
70	371310	Trần Thị Hải Yến	3713	8	17	18	14	40	295	150	445	
71	371541	Phạm Trần Tuấn Linh	3715		18	13	5	60	165	270	435	
72	372639	Tạ Thị An	3726	10	13	10	6	56	180	250	430	
73	370238	Nguyễn Thị Kim Dung	3702	6	10	19	10	49	215	210	425	
74	371846	Trần Thị Hoa	3718	6	19	15	10	44	250	175	425	
75	372703	Trần Thị Vân Anh	3727	8	13	9	12	53	195	230	425	
76	370866	Nguyễn Thanh Long	3708	6	13	8	12	55	180	240	420	
77	372431	Trương Thị Hương Ly	3724	4	22	18	11	38	280	140	420	
78	372433	Trương Phương Anh	3724	6	19	16	9	43	250	170	420	
79	372363	Dương Thu Trang	3723	5	17	11	11	48	210	200	410	
80	371461	Phan Thị Huyền	3714	10	13	14	14	40	255	150	405	
81	371575	Trần Mỹ Hạnh	3715	8	16	12	11	43	230	170	400	
82	371664	Đỗ Thế Việt	3716	6	14	14	12	45	220	180	400	
83	372423	Trần Quang Anh	3724	6	10	11	6	57	145	255	400	
84	371926	Đinh Trọng Hải	3719	7	9	10	15	47	190	195	385	
85	372657	Nguyễn Trung Toàn	3726	4	16	12	14	42	220	165	385	
86	370354	Nguyễn Thị Hưởng	3703	9	15	9	14	39	230	145	375	
87	370657	Nguyễn Phương Thảo	3706	4	13	11	9	48	170	200	370	
88	372312	Hoàng Mạnh Sơn	3723	7	15	8	7	47	170	195	365	
89	371218	Thái Thùy Linh	3712	3	13	13	12	43	190	170	360	
90	372352	Nguyễn Thị Thanh Xuân	3723	3	13	13	11	43	185	170	355	
91	372411	Hà Thị Hiền	3724	2	17	17	13	33	245	110	355	
92	370130	Đỗ Tuấn Anh	3701	5	12	10	10	43	170	170	340	
93	370836	Vũ Diệu Hoa	3708	8	15			51	90	220	310	
94	371833	Trần Thu Trang	3718	6	14	7	11	37	175	130	305	
95	372337	Hoàng Bích Phương	3723	4	17	14	9	30	210	90	300	
96	372403	Bùi Minh Trang	3724	7	13	7	12	35	180	120	300	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

13/03/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	372714	Vũ Mai Quỳnh	3727	7	13	10	4	40	150	150	300	
98	371048	Nguyễn Thị Phương	3710	6	10	11	9	36	165	125	290	
99	372334	Ngô Hà Vinh	3723	8	21	9	17		280		280	
100	372401	Vũ Thị Huệ	3724	5	11	12	7	35	160	120	280	
101	372662	Đình Anh Tuấn	3726	6	15	11	9	30	190	90	280	
102	371043	Lê Thị Hồng Loan	3710	4	16	9	18	23	230	45	275	
103	372345	Đình Hoàng Mai	3723	4	9	10	10	37	145	130	275	
104	370177	Huỳnh Phương Minh	3701		13	9	12	34	150	115	265	
105	370456	Bùi Thanh Trà	3704	6	15	8	10	28	180	80	260	
106	372540	Đào Ngọc Bích	3725	6	19	11	16		260		260	
107	372746	Lê Thị Khánh Huyền	3727	5	11	14	14	23	210	45	255	
108	370437	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3704	5	11	6	11	30	145	90	235	
109	370909	Bùi Thị Nhung	3709	3	14	17	13	13	230	5	235	
110	371725	Nguyễn Thị Thu Hà	3717	6	13	15	13	1	230	5	235	
111	372353	Vũ Thị Lan Anh	3723	6	10	10	9	25	160	60	220	
112	371721	Trần Thị Yến	3717									
113	371770	Trần Thị Vân Hạnh	3717									
114	372426	Nguyễn Thị Ngọc Yến	3724									
115	372445	Nguyễn Thị Cách	3724									
116	380917	Phùng Phi Hùng	3809	10	29	26	23	74	485	360	845	10.0
117	381165	Mai Thuận An	3811	9	26	23	18	86	410	425	835	10.0
118	381160	Trần Dạ Thảo My	3811	10	28	24	22	74	465	360	825	10.0
119	380759	Nguyễn Đức Minh	3807	7	23	21	17	84	365	415	780	10.0
120	382511	Lưu Thị Huệ Phương	3825	10	27	25	14	64	410	300	710	10.0
121	381536	Phạm Huy Hoàng	3815	7	17	16	21	56	320	250	570	9.5
122	381469	Nguyễn Việt Anh	3814	9	19	13	15	51	290	220	510	9.0
123	382048	Lê Thị Loan	3820	9	17	14	15	46	280	190	470	8.0
124	382359	Lý Thị Thuý Trang	3823	6	18	12	16	42	260	165	425	
125	381448	Vũ Việt Hùng	3814	7	14	11	8	36	185	125	310	
126	392662	Vũ Hà My	3926	10	30	25	26	83	495	410	905	10.0
127	392756	Đỗ Trần Thành	3927	9	22	27	26	80	465	395	860	10.0
128	392761	Đình Quang Toàn	3927	8	27	23	23	81	445	400	845	10.0
129	392652	Nguyễn Thị Phương Anh	3926	7	18	22	18	77	345	380	725	10.0
130	391256	Nguyễn Thị Khánh Linh	3912	6	27	26	16	63	405	290	695	10.0
131	392658	Nguyễn Hoàng Hương	3926	7	19	25	19	65	380	305	685	10.0
132	391437	Đặng Trung Nghĩa	3914	9	29	22	17	58	420	260	680	10.0
133	390368	Vũ Thùy Dương	3903	6	23	16	16	67	320	320	640	10.0
134	391756	Nguyễn Khánh Huyền	3917	8	23	14	19	59	340	265	605	10.0
135	392627	Vũ Thu Dung	3926	9	18	15	13	64	280	300	580	10.0
136	390665	Lại Nhật Quang	CLC39A	8	21	17	13	59	310	265	575	10.0
137	392448	Tô Thị Phương Liên	3924	10	17	14	12	59	270	265	535	9.5
138	392534	Trần Thị Hải Lê	3925	3	13	13	17	62	220	285	505	9.0
139	392748	Nguyễn Thị Hoài Thương	3927	7	9	12	16	54	210	235	445	
140	390841	Dương Hồng Phương	3908	7	19	14	12	42	260	165	425	
141	392609	Ngô Thị Hiền	3926	3	9	15	12	46	180	190	370	
142	392528	Ngô Thị Xuân	3925	5	15	14	8	33	195	110	305	
143	392517	Hoàng Anh Thông	3925									
144	392538	Nguyễn Hương Lan	3925									

BAN GIÁM HIỆU